TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Đức Binh

2.Bà Võ Thị Ngọc Mai

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Chí Bảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 110/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: TTNH, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: số B, đường số C, tổ D, thôn Z, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh BT.

2. *Bị đơn*: PTNH, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: số B, đường số C, tổ D, thôn Z, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh BT.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/4/2023; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/5/2023

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023, biên bản tự khai, biên bản không hòa giải được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn TTNH trình bày: Chị và anh H1 tự nguyện tìm hiểu được 02 năm thì đi đến kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn tại xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN vào năm 2009. Sau kết hôn thì anh chị sống tại TP.BH đến năm 2013 thì anh chị về xã ĐH, huyện ĐH chung sống. Anh chị chung sống hành phúc đến năm 2022 thì xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn kinh tế thua lỗ, nợ

lần dó đó thường xuyên cãi nhau. Hiện nay anh chị đã ly thân, nay chị xác định không còn tình cảm với anh H1, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2023 có trong hồ sơ, bị đơn PTNH trình bày: anh và chị H tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh chị làm ăn thua lỗ về kinh tế nên thường xuyên cãi nhau. Nay chị H làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý, vì con chung của anh chị còn nhỏ, nên đợi cho con của anh chị đủ 17 tuổi hoặc 18 tuổi thì anh mới đồng ý ly hôn

Về con chung: PTT, sinh ngày 22/3/2010

Đối với chị H: Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, chị yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng.

Đối với anh H1 về việc nuôi con: con đã trên 7 tuổi nên cháu có nguyện vọng ở với ai thì Tòa án giao cho người đó, nếu chị H yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/tháng/con thì anh đồng ý.

-Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng. Vì vậy HĐXX, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử nên cho ly hôn.

-Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị TTNH nuôi cháu PTT, sinh ngày 22/3/2010 và buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con Thảo 1.000.000đồng/tháng/con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 Tòa án xác định đây là vụ án: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị TTNH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/04/2023; anh PTNH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/5/2023. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và

hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

[4]Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị TTNH và anh PTNH có đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2009 tại UBND xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh đến đầu năm 2022 thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị làm ăn thua lỗ về kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng lẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Thấy rằng, lời khai của anh chị là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1 nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ nhưng không thành, cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Xét thấy chị H là người có sức khỏe, có tư cách đạo đức tốt, có nghề nghiệp thu nhập ổn định. Cháu PTT, sinh ngày 22/3/2010 hiện đã trên 7 tuổi, cháu đã có bản tự khai là có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ. Chị H lại có nguyện vọng trực tiếp được yêu cầu nuôi con. Vì vậy Hội xét xử quyết định giao con (Thảo) cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quyền thăm nom con: Để bảo đảm quyền lợi cho các cháu được phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nhận được tình yêu thương đầy đủ từ cả cha lẫn mẹ, cần xem xét tuyên quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi chị H ly hôn với anh H1. Anh PTNH phải chấp hành đúng quy định về việc thăm nom con tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6]Về cấp dưỡng nuôi con:

Xét về mức cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử thấy rằng mức yêu cầu cấp dưỡng này là phù hợp với nhu cầu sống tại địa phương nên chấp nhận mức yêu cầu 1.000.000đồng/tháng/con là phù hợp.

Anh H1 hiện nay là người có sức khỏe, có công việc và thu nhập.Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con theo mức quyết định của Hội đồng xét xử là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật

[7] Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[9] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp vợi nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 107, 108, 110, 116,117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị TTNH:

1/Về hôn nhân: Chị TTNH ly hôn anh PTNH

2/Về con chung: Giao cho chị TTNH được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: PTT, sinh ngày 22/3/2010

Anh PTNH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị TTNH trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh PTNH trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh PTNH phải cấp dưỡng nuôi con: PTT, sinh ngày 22/3/2010, mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng/con, kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi con (Thảo) tròn đủ 18 tuổi.

Chị TTNH có quyền yêu cầu thi hành án ngày sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh PTNH phải cấp dưỡng nuôi con. Anh PTNH có nghĩa vụ thi hành ngay số tiền Tòa án buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu của chị TTNH

Kể từ ngày chị TTNH có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh PTNH còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành án.

4/Về án phí DSST: Chị TTNH phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0014909 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Anh PTNH phải chịu 300.000đồng án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con. Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Thi hành án DS huyện Đức Linh;*
- *UBND xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN;*
- *Các đương sự;.*
- *Lưu hồ sơ, quyết định*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH
T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận